



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 0100109385

ngày 8 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Sơn
Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh
Ông Trần Anh Vương
Bà Nguyễn Hồng Nhung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16/2/2017)

Trụ sở đăng ký

12 Phố Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 08 -09- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh về thông tin so sánh

Không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 34(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mô tả việc thông tin so sánh được trình bày tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh hồi tố.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 34(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó và vấn đề cần nhấn mạnh về việc các khoản chênh lệch khi thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và giá trị lợi ích nhận được từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC liên quan đến dự án Tổ hợp thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC – Vinapharm tại địa điểm 60B Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội chưa được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 2 năm 2017.

Trong quá trình soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 34(a) của báo cáo tài chính riêng được áp dụng để điều chỉnh lại các số dư tại ngày 8 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng tại ngày 7 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục soát xét được áp dụng đối với các điều chỉnh hồi tố trình bày tại Thuyết minh 34(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất cứ kết luận hay bất cứ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính riêng đó. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 34(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là không phù hợp hay không được áp dụng đúng đắn.

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, hay bất cứ thuyết minh có liên quan nào và do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về các báo cáo này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-122-SX-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2017

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		546.399.464.643	1.370.535.457.294
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	359.242.412.760	825.046.018.177
Tiền	111		8.462.412.760	16.646.018.177
Các khoản tương đương tiền	112		350.780.000.000	808.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.000.000.000	258.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	32.000.000.000	258.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.305.389.947	261.503.532.941
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	34.756.562.107	46.441.418.693
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		634.043.615	3.850.453.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	100.914.784.225	211.211.660.739
Hàng tồn kho	140	12	13.972.769.563	21.733.358.186
Hàng tồn kho	141		13.972.769.563	21.733.358.186
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.878.892.373	4.052.547.990
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.878.892.373	4.052.547.990
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.914.124.133.955	1.861.133.341.755
Các khoản phải thu dài hạn	210		172.985.628	214.057.828
Phải thu dài hạn khác	216		172.985.628	214.057.828
Tài sản cố định	220		33.197.426.995	34.022.325.521
Tài sản cố định hữu hình	221	13	33.197.426.995	34.022.325.521
Nguyên giá	222		67.887.167.781	66.508.867.781
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.689.740.786)	(32.486.542.260)
Tài sản dở dang dài hạn	240		69.571.772.390	68.439.512.390
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	69.571.772.390	68.439.512.390
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	1.776.978.880.353	1.723.095.198.623
Đầu tư vào công ty con	251		286.193.148.150	305.332.814.835
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		919.521.492.651	908.570.985.959
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		576.665.326.941	509.191.397.829
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.401.087.389)	-
Tài sản dài hạn khác	260		34.203.068.589	35.362.247.393
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	34.203.068.589	35.362.247.393
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.460.523.598.598	3.231.668.799.049

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		89.871.706.054	861.668.799.049
Nợ ngắn hạn	310		89.706.680.212	861.463.673.207
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	34.972.375.856	43.458.716.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.595.788.734	4.129.711.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	299.411.421	160.531.098.563
Phải trả người lao động	314		774.010.600	32.572.116
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	10.891.460.164	18.164.802.694
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	35.164.108.897	635.137.247.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.524.540	9.524.540
Nợ dài hạn	330		165.025.842	205.125.842
Phải trả dài hạn khác	337		165.025.842	205.125.842
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.370.651.892.544	2.370.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.370.651.892.544	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần	411	22	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		651.892.544	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		651.892.544	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.460.523.598.598	3.231.668.799.049

08 -09- 2017


Nguyễn Hồng Thúy
Người lập

Người lập


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

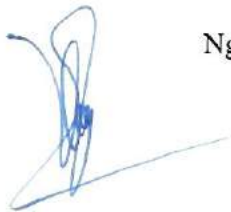

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốcĐinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	58.215.360.694	133.941.852.214
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	24.657.461	71.705.354
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		58.190.703.233	133.870.146.860
Giá vốn hàng bán	11	25	51.421.980.444	124.102.386.146
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.768.722.789	9.767.760.714
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	19.209.777.903	58.606.776.209
Chi phí tài chính	22	27	5.626.969.133	471.427.986
Chi phí bán hàng	25	28	3.419.324.218	4.947.386.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	15.332.926.691	13.064.687.263
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.599.280.650	49.891.034.743
Thu nhập khác	31		19.505.453	450.204.283
Chi phí khác	32		-	35.882.242
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		19.505.453	414.322.041
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.618.786.103	50.305.356.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	966.893.559	2.322.055.404
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		651.892.544	47.983.301.380

08-09-2017



Người lập

Nguyễn Hồng Thúy
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốcĐinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.618.786.103	50.305.356.784
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	4.202.840.007	1.184.345.966
Các khoản dự phòng	03	5.401.087.389	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	134.768.190	78.416.677
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.177.173.806)	(58.442.455.433)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(7.819.692.117)	(6.874.336.006)
Biến động các khoản phải thu	09	100.176.938.673	(35.670.748.252)
Biến động hàng tồn kho	10	7.760.588.623	299.703.165
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(163.338.035.241)	442.211.556.976
Biến động chi phí trả trước	12	(840.462.677)	499.415.770
		(64.060.662.739)	400.465.591.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.560.457.849)	(10.068.795.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	21.302.733.635	616.002.252
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(600.000.000.000)	(66.826.418.537)
<i>Trong đó: Chuyển tiền cho Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp</i>		<i>(600.000.000.000)</i>	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(645.318.386.953)	324.186.379.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)


Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.512.881.819)	(265.922.182)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(32.000.000.000)	(50.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	258.200.000.000	394.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(104.469.534.000)	(3.946.540.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	34.624.386.300
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	67.295.137.190	52.746.141.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	179.512.721.371	427.958.065.350
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(465.805.665.582)	752.144.444.726
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	825.046.018.177	516.151.236.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.060.165	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	359.242.412.760	1.268.295.681.281

08-09-2017

Người lập


Nguyễn Hồng Thúy
Người lập


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt


Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc


Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2010 sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

(b) Hoạt động chính

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, các ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tổng Công ty đã trở thành công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016. Sau ngày cổ phần hóa, các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính. Do đó, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận của Tổng Công ty trong kỳ này thấp hơn so với kỳ trước.

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính
▪ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 Phố Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kiểm nghiệm thuốc
▪ Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	126A Phố Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm
▪ Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	95 Phố Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có 92 nhân viên (8/12/2016: 97 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá khi Tổng Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 và được phê duyệt theo Quyết định số 2757/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV, Tổng hợp Quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV và Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2017 (“các văn bản quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty”). Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được Nhà nước phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	10 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty được Nhà nước phê duyệt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty được hưởng lợi nhuận cố định được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và tỷ lệ lợi tức áp dụng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới là các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016 (ngày trước thời điểm chuyển thành công ty cổ phần).

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài việc ghi nhận các khoản cổ tức đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần như trình bày tại Thuyết minh 3(l)(v) và Thuyết minh 9(b)(i), Tổng Công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	804.935.445	966.359.201
Tiền gửi ngân hàng	7.657.477.315	15.679.658.976
Các khoản tương đương tiền	350.780.000.000	808.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	359.242.412.760	825.046.018.177
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2017		8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	32.000.000.000	258.200.000.000	258.200.000.000
	<hr/>		<hr/>	

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (i)	Hà Nội	65,41%	138.997.108.326	-	(*)	65,41%	149.252.557.203	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (i)	Đà Nẵng	65,00%	23.954.815.068	-	(*)	65,00%	24.911.250.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (i)	TP Hồ Chí Minh	66,35%	123.241.224.756	-	(*)	66,35%	131.169.007.632	-	(*)
			286.193.148.150	-	(*)		305.332.814.835	-	(*)
Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i) (ii) (iv)	Đồng Tháp	22,87%	477.969.183.365	-	624.234.146.500	23,75%	391.843.479.000	-	391.843.479.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo	TP Hồ Chí Minh	30,00%	229.209.493.773	-	(*)	30,00%	229.209.493.773	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Danapha (ii)	Đà Nẵng	29,86%	103.506.807.223	-	(*)	29,86%	91.842.303.223	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	TP Hồ Chí Minh	28,43%	44.983.510.213	-	(*)	28,43%	45.689.800.623	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i) (iv)	Hải Phòng	24,82%	44.771.864.745	-	66.740.545.900	24,82%	47.924.943.200	-	47.924.943.200
• Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam (i)	Hà Nội	42,38%	14.814.901.439	-	(*)	43,65%	16.279.332.946	-	(*)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết (tiếp theo)									
• Công ty Cổ phần Dược Danapha –Nanosome	Đà Nẵng	25,00%	4.265.731.893	(282.675.000)	(*)	25,00%	4.265.731.893	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco (i) (iii)	Hà Nội	-	-	-	-	31,67%	69.654.193.013	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (iii)	Hà Nội	-	-	-	-	27,13%	11.861.708.288	-	(*)
			<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>
			919.521.492.651	(282.675.000)	(*)		908.570.985.959	-	(*)
Đơn vị khác									
• Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar (i)	TP Hồ Chí Minh	18,17%	169.253.901.942	-	(*)	18,17%	173.539.167.663	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i) (iv)	TP Hồ Chí Minh	14,08%	139.177.606.438	-	188.464.185.000	14,08%	142.506.000.000	-	142.506.000.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (iii)	Hà Nội	14,25%	69.305.080.876	-	(*)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (iv)	TP Hồ Chí Minh	10,23%	48.974.823.000	(3.317.649.300)	45.657.173.700	13,23%	48.974.823.000	-	48.974.823.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha (i)	TP Hồ Chí Minh	14,29%	47.925.759.865	-	(*)	14,29%	51.338.121.640	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 (i)	TP Hồ Chí Minh	16,84%	37.651.093.375	-	(*)	17,68%	39.534.534.471	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bao bì Dược	TP Hồ Chí Minh	15,00%	12.042.810.970	-	(*)	15,00%	12.042.810.970	-	(*)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác (tiếp theo)									
• Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Hà Nội	11,37%	12.945.633.092	-	(*)	11,37%	12.945.633.092	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (iii)	Hà Nội	6,78%	11.861.708.288	-	(*)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	5,26%	9.877.855.768	-	(*)	5,26%	10.017.992.755	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	Huế	15,01%	9.231.455.589	(1.800.763.089)	(*)	15,01%	9.862.555.500	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam (i)	Hà Nội	9,26%	4.950.656.872	-	(*)	9,26%	4.950.656.872	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (i)	Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.479.101.866	-	(*)
			576.665.326.941	(5.118.412.389)	(*)		509.191.397.829	-	(*)
			1.782.379.967.742	(5.401.087.389)	(*)		1.723.095.198.623	-	(*)



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư là giá trị đã được định giá lại tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và giá gốc các khoản đầu tư tăng thêm sau thời điểm cổ phần hóa.

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tương ứng với số cổ tức được chia từ các công ty này với giá trị tổng cộng là 45.185 triệu VND do các khoản cổ tức này đã được sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua thêm cổ phần do Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm và Công ty Cổ phần Dược Danapha phát hành thêm với số tiền tương ứng là 92.805 triệu VND và 11.665 triệu VND.
- (iii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty này xuống còn tương ứng là 14,25% và 6,78%. Theo đó, các khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (iv) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu các công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	32.214.656.384	36.094.517.499
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	5.560.067.525
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.541.905.723	4.786.833.669
	<hr/>	<hr/>
	34.756.562.107	46.441.418.693

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	87.000.000.000	165.000.000.000
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.338.800.000	16.783.053.877
Phải thu về cổ tức	2.533.927.164	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.275.103.222	6.742.228.889
Phải thu các khoản tạm ứng	1.226.648.627	748.476.954
Phải thu về cổ phần hóa	-	21.302.733.635
Phải thu khác	540.305.212	635.167.384
	100.914.784.225	211.211.660.739

(i) Đây là giá trị vốn góp vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các bên như sau:

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	-	50.000.000.000
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	40.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Medipharco	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	2.000.000.000	10.000.000.000
	87.000.000.000	165.000.000.000

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này hưởng lợi nhuận cố định là 6% (giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 – chưa soát xét: 6%) một năm.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các khoản phải thu khác về hợp đồng hợp tác kinh doanh, Tổng Công ty còn có các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	262.600.000	161.917.808
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	10.026.949.923
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	-	11.275.783.712
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	300.000.000	7.380.743.151
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	756.000.000	-
	1.318.600.000	28.845.394.594

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan này không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	388.689.386	357.378.058
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.168.243.378	2.848.662.262
Hàng hóa	10.415.836.799	18.527.317.866
	13.972.769.563	21.733.358.186

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	39.585.975.480	22.151.449.948	3.884.563.100	886.879.253	66.508.867.781
Tăng trong kỳ	-	-	1.378.300.000	-	1.378.300.000
Số dư cuối kỳ	39.585.975.480	22.151.449.948	5.262.863.100	886.879.253	67.887.167.781
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	25.808.190.224	3.819.230.771	2.185.063.783	674.057.482	32.486.542.260
Khấu hao trong kỳ	583.334.577	1.292.167.926	237.397.871	90.298.152	2.203.198.526
Số dư cuối kỳ	26.391.524.801	5.111.398.697	2.422.461.654	764.355.634	34.689.740.786
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	13.777.785.256	18.332.219.177	1.699.499.317	212.821.771	34.022.325.521
Số dư cuối kỳ	13.194.450.679	17.040.051.251	2.840.401.446	122.523.619	33.197.426.995

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	68.439.512.390	722.546.787
Tăng trong kỳ	1.132.260.000	310.922.182
Xóa sổ	-	(45.000.000)
Số dư cuối kỳ	69.571.772.390	988.468.969

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty tại 178 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh	975.342.242	975.342.242
Cải tạo Trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố, Hà Nội	8.425.720.177	7.293.460.177
Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng, Hà Nội (*)	60.170.709.971	60.170.709.971
	69.571.772.390	68.439.512.390

- (*) Giá trị lợi ích nhận từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng được ước tính dựa trên cơ sở giá trị nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phát triển Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm tại địa chỉ 60B Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 7 tháng 7 năm 2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC. Giá trị này đã được phê duyệt trong các văn bản quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	34.279.568.258	847.015.175	235.663.960	35.362.247.393
Tăng trong kỳ	-	1.543.447.371	50.617.365	1.594.064.736
Phân bổ trong kỳ	(1.999.641.481)	(472.841.252)	(280.760.807)	(2.753.243.540)
Số dư cuối kỳ	32.279.926.777	1.917.621.294	5.520.518	34.203.068.589

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2017		8/12/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.118.412.389	1.023.682.478	-	-
Lỗi tính thuế	1.252.001.855	250.400.371	-	-
	6.370.414.244	1.274.082.849	-	-

Lỗi tính thuế chưa được quyết toán và hết hiệu lực vào năm 2022. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND
EVER Neuro Pharma GmbH	33.201.324.084	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco	1.771.051.772	1.898.929.460
Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd	-	36.878.633.869
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	1.582.732.578
Các nhà cung cấp khác	-	3.098.420.333
	34.972.375.856	43.458.716.240

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	125.496.977	3.363.557.955	(3.489.054.932)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.860.457.849	966.893.559	(2.560.457.849)	266.893.559
Thuế thu nhập cá nhân	766.290.062	252.616.555	(986.388.755)	32.517.862
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	798.286.525	1.898.873.190	(2.697.159.715)	-
Thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác				
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	156.980.567.150	-	(156.980.567.150)	-
	160.531.098.563	6.493.941.259	(166.725.628.401)	299.411.421

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi phải trả cho cổ đông	10.319.042.098	10.319.042.098
Chi phí xây dựng cơ bản	-	7.002.321.819
Chi phí phải trả khác	572.418.066	843.438.777
	10.891.460.164	18.164.802.694

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	34.909.623.282	634.909.623.282
Chi phí phải trả khác	254.485.615	227.623.929
	35.164.108.897	635.137.247.211

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – chưa soát xét	449.174.284.089	909.512.110.904	507.086.516.033	669.615.012.991	127.948.804.111	2.663.336.728.128
Lợi nhuận thuần trong kỳ – chưa soát xét	-	-	-	-	47.983.301.380	47.983.301.380
Phân bổ vào các quỹ – chưa soát xét	-	-	32.669.940.471	2.438.087.110	(35.108.027.581)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi – chưa soát xét	-	-	-	-	(77.108.311)	(77.108.311)
Nộp lợi nhuận vào Ngân sách Nhà nước – chưa soát xét	-	-	-	-	(63.530.575.474)	(63.530.575.474)
Biến động khác – chưa soát xét	571.550.000	-	-	44.452.252	-	616.002.252
Số dư tại ngày 30/6/2016 – chưa soát xét	449.745.834.089	909.512.110.904	539.756.456.504	672.097.552.353	77.216.394.125	2.648.328.347.975
Số dư tại ngày 8/12/2016 – đã điều chỉnh lại	2.370.000.000.000	-	-	-	-	2.370.000.000.000
<i>Số dư tại ngày 8/12/2016 – đã báo cáo trước đây</i>	<i>449.745.834.089</i>	<i>969.512.110.904</i>	<i>539.756.456.504</i>	<i>723.817.704.455</i>	<i>466.803.799.455</i>	<i>3.149.635.905.407</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 34)</i>	<i>1.920.254.165.911</i>	<i>(969.512.110.904)</i>	<i>(539.756.456.504)</i>	<i>(723.817.704.455)</i>	<i>(466.803.799.455)</i>	<i>(779.635.905.407)</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	651.892.544	651.892.544
Số dư tại ngày 30/6/2017	2.370.000.000.000	-	-	-	651.892.544	2.370.651.892.544



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2017 và 8/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	237.000.000	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	154.050.000	1.540.500.000.000	65%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	40.290.000	402.900.000.000	17%
Các cổ đông khác	42.660.000	426.600.000.000	18%
	237.000.000	2.370.000.000.000	100%

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		8/12/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	53.358	1.211.128.940	15.032	335.716.466

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	48.423.114.480	126.036.296.788
▪ Cung cấp dịch vụ	6.235.922.927	5.212.184.206
▪ Hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định	3.556.323.287	2.693.371.220
	<hr/> 58.215.360.694	<hr/> 133.941.852.214
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(24.657.461)	(71.705.354)
Doanh thu thuần	<hr/> 58.190.703.233	<hr/> 133.870.146.860

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Hàng hoá đã bán	47.089.439.431	122.632.108.403
Dịch vụ đã cung ứng	4.332.541.013	1.470.277.743
	<hr/> 51.421.980.444	<hr/> 124.102.386.146

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.022.441.250	14.129.277.893
Cổ tức được chia	3.154.732.556	39.033.885.040
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu	-	5.279.292.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.604.097	164.320.776
	<hr/>	<hr/>
	19.209.777.903	58.606.776.209

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	5.401.087.389	-
Chi phí tài chính khác	225.881.744	471.427.986
	<hr/>	<hr/>
	5.626.969.133	471.427.986

28. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	1.752.909.971	2.506.317.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.547.311.132	1.739.842.951
Chi phí bán hàng khác	119.103.115	701.226.577
	<hr/>	<hr/>
	3.419.324.218	4.947.386.931

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	6.089.393.407	5.288.329.271
Chi phí dụng cụ quản lý	799.374.540	737.178.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	905.943.931	445.051.692
Thuế, phí và lệ phí	1.985.133.282	1.865.830.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	502.147.849	375.392.128
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.050.933.682	4.352.905.766
	15.332.926.691	13.064.687.263

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	47.272.093.668	122.666.810.592
Chi phí nhân viên	9.004.118.163	7.838.234.313
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.202.840.007	1.184.345.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.504.654.074	2.812.988.467
Chi phí khác	7.560.723.922	8.876.743.041

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.618.786.103	50.305.356.784
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	323.757.221	10.061.071.357
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	87.810.515
Thu nhập không bị tính thuế	(630.946.511)	(7.806.777.008)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.274.082.849	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(20.049.460)
	966.893.559	2.322.055.404

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3</i>		
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	850.682.192	377.671.233
Cổ tức được chia	1.023.750.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1</i>		
Cổ tức được chia	10.977.240.000	-
Thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	11.275.783.712	-

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		
Cổ tức được chia	8.485.750.000	-
Thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	10.026.949.921	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha		
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	50.000.000.000
Thu hồi vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.491.906.849	1.224.931.507
Đầu tư góp vốn	11.664.504.000	-
Thu tiền bán cổ phần	-	1.575.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25		
Cổ tức được chia	756.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3		
Cổ tức được chia	3.374.996.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam		
Cổ tức được chia	1.567.500.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm		
Cổ tức được chia	7.149.424.800	-
Đầu tư góp vốn	92.805.030.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	470.658.636	462.982.197
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	295.822.364	355.527.121
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	765.077.751	464.797.173

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Giảm các khoản đầu tư tài chính dài hạn do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	45.184.764.881	-

34. Số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh số liệu kế toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần

Trong kỳ, căn cứ vào:

- Biên bản thanh tra thuế ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kết quả thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế các năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 2757/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Tổng hợp Quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV; và
- Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Công ty đã điều chỉnh lại số liệu tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại nói trên được tổng hợp dưới đây:


Bảng cân đối kế toán riêng

	8/12/2016 VND (đã điều chỉnh lại)	8/12/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258.200.000.000	423.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	211.211.660.739	47.555.129.193
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.052.547.990	4.302.149.154
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	45.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	68.439.512.390	68.268.802.419
Đầu tư vào công ty con	305.332.814.835	313.533.467.583
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	908.570.985.959	900.386.034.893
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	509.191.397.829	495.889.905.918
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	160.531.098.563	1.596.219.893
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.164.802.694	18.990.468.657
Phải trả ngắn hạn khác	635.137.247.211	1.792.123.929
Vốn cổ phần	2.370.000.000.000	449.745.834.089
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	969.512.110.904
Quỹ đầu tư phát triển	-	539.756.456.504
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	723.817.704.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	466.803.799.455

(b) Số liệu so sánh

Kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (giai đoạn thuộc Công ty TNHH Một thành viên) và các số liệu này có thể không so sánh được tương ứng hoàn toàn với số liệu của kỳ hiện hành là giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

08-09-2017


Nguyễn Hồng Thúy
Người lập

Người lập


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc


TỔNG CÔNG TY
DƯỢC
VIỆT NAM
ĐINH XUÂN HÂN
Tổng Giám đốc